

Bản án số: 25/2019/KDTM-ST
Ngày: 26/4/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tư vấn
thiết kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Bà Nguyễn Thị Liên Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2018/TLST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tư vấn thiết kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-KDTM ngày 7 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-KDTM ngày 9 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trung tâm N

Trụ sở: Lầu 1, Nhà B6 – số 268 đường L, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy V – sinh năm 1972; Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình C – sinh năm 1968 (Theo Giấy ủy quyền số: 117/2018/GUQ-REACTEC ngày 23/9/2018). (Có mặt)

Bị đơn: Công ty P

Trụ sở: 3^E/12 đường Q, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh D – sinh năm 1970; Chức danh: Giám đốc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 21/9/2018 của Nguyên đơn – Trung tâm N (sau đây gọi là Nguyên đơn) cùng trình bày của ông Nguyễn Đình C là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thì: Ngày 8/10/2018 giữa Công ty P (sau đây gọi là Bị đơn) và Nguyên đơn có ký Hợp đồng tư vấn thiết kế, gia cố kết cấu cho hồ bơi khu vực lân cận, giá trị của Hợp đồng là 858.676.000đ. Ngày 17/8/2017 hai bên có biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn 171.737.000đ. Ngày 5/5/2018 Bị đơn có Công văn số: 019CV/2018/LHP về việc đề nghị thanh toán và hẹn đến ngày 15/6/2018 sẽ thanh toán, nhưng Bị đơn đã không thực hiện thanh toán theo Công văn này. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn 171.737.000đ tiền còn nợ theo Hợp đồng và 22.325.800đ tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tổng cộng là 194.062.800đ, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông Trần Thanh D là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Thanh D đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Trần Thanh D là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn vắng mặt.

Ông Nguyễn Đình C là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Từ ngày hai bên đối chiếu công nợ (ngày 17/8/2017) cho đến nay Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn, nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 171.737.000đ tiền còn nợ theo Hợp đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/8/2017 cho đến nay, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tư vấn thiết kế” với Bị đơn do Bị đơn có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Nguyễn Đình C là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[4] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 171.737.000đ nợ gốc cho Nguyên đơn. Những chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm:

- Bản chính: Phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp ngày 20/9/2018; Giấy ủy quyền ngày 23/9/2018.

+ Bản sao: Hợp đồng tư vấn thiết kế, gia cố kết cấu ngày 8/10/2016; Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 17/8/2017; Công văn số 019CV/2018/LHP ngày 5/5/2018; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Hợp đồng tư vấn thiết kế, gia cố kết cấu số: 01/2016/LHP-DHBK ngày 8/10/2016 giữa Nguyên đơn, Bị đơn thì Nguyên đơn thực hiện khảo sát và kiểm tra kết cấu, tư vấn thiết kế, gia cố cho hồ bơi và khu vực lân cận cho Công trình Bấy Hiền Tower, số 9 đường F, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giá trị của Hợp đồng là 858.676.000đ.

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 17/8/2017 thì Bên A (Bị đơn) còn phải thanh toán cho Bên B (Nguyên đơn) 171.737.000đ.

Do Bị đơn không đến và không có bản giải trình gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp xác định Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 171.737.000đ theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 17/8/2017. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn 171.737.000đ.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 306 Luật Thương Mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo biểu lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) là 6.80%/năm; Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) là 6.70%/năm; Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) là 6.80%/năm. Như vậy, lãi trung bình của 3 ngân hàng là 6.76%/năm, lãi quá hạn là 10.14%/năm.

Biên bản ngày đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Nguyên đơn, Bị đơn được lập ngày 17/8/2017, nên tiền lãi được tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày 26/4/2019 là 20 tháng 9 ngày.

$$171.737.000đ \times 10.14\%/năm \times 20 \text{ tháng } 9 \text{ ngày} = 29.458.906đ$$

Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán 29.458.906đ tiền lãi cho Nguyên đơn do chậm thanh toán.

Như vậy, Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn tiền gốc và lãi là: 171.737.000đ + 29.458.906đ = 201.195.906đ

[6] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Bị đơn phải chịu 10.059.795đ tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Nguyên đơn 4.851.570 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 24; Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn - Trung tâm N.

Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Trung tâm N 201.195.906đ (Hai trăm linh một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm linh sáu đồng), bao gồm: 171.737.000đ (Một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) nợ gốc và 29.458.906đ (Hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn chín trăm linh sáu đồng) tiền lãi do chậm thanh toán.

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí: Công ty P phải chịu 10.059.795đ (Mười triệu không trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Trung tâm N 4.851.570đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi một ngàn năm trăm bảy mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/00037150 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Trường hợp Công ty P chậm thanh toán thì Trung tâm N có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Trung tâm N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương